

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25-7-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Bình.
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị G - Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lư Văn N- Sinh năm: 1982.

N đăng ký hộ khẩu: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai; N ở: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai- Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2019 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Trương Thị G trình bày:

Chị và anh Lư Văn N chung sống như vợ chồng từ cuối năm 2006, đến ngày 20/4/2007 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm nên hay xảy ra xô xát, cãi nhau. Anh N hay uống rượu say, khi về nhà lại gây sự với chị, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2017 và không còn quan tâm đến nhau. Bản thân chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lư Văn N.

Về con chung: Chị G xác nhận, quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Lư Văn A - Sinh ngày: 16/07/2007. Hiện tại cháu phát triển bình thường và đang ở cùng chị G. Chị G có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu sau khi

ly hôn để đảm bảo việc học tập cho cháu. Chị không yêu cầu anh Lư Văn N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị có tạo dựng được một số tài sản chung nhưng chị G muốn tự thỏa thuận chia tài sản chung với anh N và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị G xác định không nợ ai và không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lư Văn N vẫn sinh sống tại địa phương và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lư Văn N theo quy định. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai các tài liệu chứng cứ nhưng không hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn vì vắng mặt bị đơn. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị G khởi kiện xin ly hôn với anh Lư Văn N và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Chị G và anh N đều có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện B. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh N là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, anh N hay uống rượu say, khi về nhà lại gây sự, gây mâu thuẫn gia đình. Vợ chồng anh chị nhiều lần xảy ra xô xát, được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Chị G cũng đã có đơn và được địa phương xác nhận mâu thuẫn của anh chị là đúng. Hơn nữa anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay, không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy việc chị G xin ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Bản thân anh N vẫn sinh sống tại địa phương cùng bố mẹ đẻ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh N theo quy định, tuy nhiên anh N không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến trả lời. Do anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên cần xét xử vắng mặt anh N là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị G và anh N có một con chung là Lư Văn A - Sinh ngày: 16/07/2007. Hiện tại hai cháu phát triển bình thường và đang ở cùng chị G. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị G có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lư Văn Anh sau khi ly hôn. Chị G đã cung cấp tài liệu, chứng cứ xác nhận về việc đang làm nhân viên bưu điện và thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung.

Do đó cần giao cháu Lư Văn A cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị G không yêu cầu giải quyết việc chia tài sản chung, chị xác định không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự ; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho chị Trương Thị G được ly hôn với anh Lư Văn N.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lư Văn A- Sinh ngày: 16/07/2007 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lư Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Lư Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000045 ngày 23/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Chị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

N nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND xã P;
- Dương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

